TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày: 03-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Mạnh.

Bà Trần Thị Định.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Đức Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2018/TLST - HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Q - Sinh năm 1983, tại xã S, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKHKTT (Nơi cư trú): Thôn V1, thị trấn G1, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công Phê - Sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Lan - Sinh năm 1961; có chồng là Trần Trọng Dũng - Sinh năm 1980 và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", từ ngày 19-01-2018 đến ngày 19-4-2018 theo lệnh "Cấm đi khỏi nơi cư trú" số: 18 ngày 19-01-2018 của cơ quan Cảnh sát sát điều tra Công an huyện V.

- *Bị hại*: Ông Đoàn Tiến L - Sinh năm 1960 (Đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Cụ Dương Thị A - Sinh năm 1920. (Là mẹ đẻ của ông L).

2. Bà Phạm Thị B - Sinh năm 1960 (Là vợ của ông L).

3. Anh Đoàn Minh C - Sinh năm 1994. (Là con của ông L).

Đều cư trú tại: Thôn Nam Vinh, xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định.

4. Chị Đoàn Thị D - Sinh năm 1988 (Là con của ông L); Cư trú tại: Thôn J, xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định.

5. Chị Đoàn Thị E - Sinh năm 1991 (Là con của ông L); Cư trú tại: Số nhà 6B, ngõ 250/100/6, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ A, bà B, chị D, chị E: Anh Đoàn Minh C - Sinh năm 1994; Cư trú tại: Thôn Nam Vinh, xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định (Theo giấy ủy quyền lập ngày 29-11-2017).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người làm chứng:

1. Cháu Trần Thị T - Sinh năm 2000.

2. Cháu Trần Thị Lan F, sinh năm 2000.

Đều cư trú tại: Thôn B1, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người giám hộ của cháu T và cháu F là chị Phạm Thị G - Sinh năm 1989 - Giáo viên Trường THPT LTV, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo Q; Vắng mặt cụ A, bà B, chị D, chị E, anh C, cháu T, cháu F, chị G).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 23-11-2017, sau khi làm may xong tại thôn Z, xã L1, huyện V, tỉnh Nam Định. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Thị Q; sinh năm 1983; cư trú tại thôn V1, thị trấn G1, huyện V, tỉnh Nam Định có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô BKS 18F8-1532 đi theo đường Quốc lộ 10 hướng Nam Định đi Ninh Bình để về nhà. Khi đi đến Km 119+950 thuộc địa phận xóm Tâm, xã S, huyện V, tỉnh Nam Định thì lúc này trời đã nhá nhem tối, thời tiết không mưa, mặt đường khô ráo, các phương tiện tham gia giao thông đã bật đèn, đoạn đường này mặt đường trải nhựa áp phan, mặt đường rộng 11m, giữa đường có vạch sơn màu vàng đứt quãng chia mặt đường thành hai chiều đường riêng biệt, mỗi chiều đường đều có vạch sơn màu trắng kẻ liền chia thành hai làn đường (gồm làn đường dành cho xe cơ giới và làn đường dành cho xe thô sơ và người đi bộ); lề phải hướng Nam Định đi Ninh Bình rộng 01m có đường rẽ đi thôn B1, xã K, huyện V; lề trái hướng Ninh Bình đi Nam Định rộng 0,3m, ngoài lề là hàng rào chắn giữa đường bộ với đường sắt Bắc – Nam và có đường rẽ đi xóm Tâm, xã S, huyện V và đoạn đường này nằm trong hiệu lực của biển báo hiệu giao thông nguy hiểm gồm có biển báo giao nhau với đường không ưu tiên và biển báo người đi bộ cắt ngang. Lúc này Q điều khiển xe mô tô đi ở làn đường dành cho xe thô sơ và người đi bộ và đi sát ở lề đường chiều đường hướng Nam Định đi Ninh Bình. Mặc dù điều khiển xe mô tô đi trong đoạn đường đang có hiệu lực của biển báo giao thông nguy hiểm và điều kiện trời đã nhá nhem tối nhưng Q lại không giảm tốc độ mà vẫn điều khiển xe mô tô đi với vận tốc khoảng 35 - 40 km/h và không chú ý quan sát ở phía trước nên khi gặp xe đạp của ông Đoàn Tiến L; sinh năm 1960; trú tại thôn Nam Vinh, xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định đang dừng đứng ở phía trước cùng chiều, sát ở lề phải của làn đường xe mô tô Q điều khiển đang di chuyển thì Q đã không làm chủ được tay lái và tốc độ nên Q đã để cho bánh trước của xe mô tô Q điều khiển đâm vào chắn bùn phía sau bánh sau xe đạp của ông L làm cho Q và

ông L đều bị mất lái, cả 2 người và 2 phương tiện bị xô tiến về phía trước rồi đổ, ngã văng xuống mặt đường nhựa. Hậu quả ông L bị thương nặng được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Việt Đức đến ngày 24-11-2017 thì ông L bị tử vong; Q bị thương nhẹ; hai phương tiện bị hư hỏng.

Sau khi tai nạn xảy ra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 917/GĐKTHS ngày 29-11-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: Nguyên nhân ông Đoàn Tiến L chết là do chấn thương sọ não vỡ xương hộp sọ, chảy máu nội sọ.

Tại bản kết luận giám định số 6274/C54(P4) ngày 29-12-2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát kết luận:

- Chất màu đen ghi thu bám dính tại thanh kim loại bắt chân chống của xe đạp (ký hiệu PS3) gửi giám định là sơn, cùng loại với sơn màu đen trên chắn bùn bánh trước của xe mô tô BKS 18F8-1532 (ký hiệu A1) gửi làm mẫu so sánh.

- Chất màu đen ghi thu bám dính tại ốc hãm chắn bùn phía sau bánh sau và thanh kim loại bắt trục bánh xe đạp (ký hiệu B1) gửi giám định là cao su, cùng loại với mẫu cao su lốp bánh trước xe mô tô BKS 18F8-1532 (ký hiệu B2) gửi làm mẫu so sánh.

- Chất màu đỏ ghi thu bám dính tại thanh kim loại bắt chân chống xe đạp (ký hiệu C1) gửi giám định quá ít và lẫn nhiều tạp chất nên không đủ yếu tố giám định.

Tại Công văn trả lời số 36/CV-PC 54 ngày 02-01-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Xe mô tô BKS 18F8-1532 va chạm với xe đạp. Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện là mặt ngoài lốp bánh trước của xe mô tô BKS 18F8-1532 với mặt ngoài chắn bùn phía sau bánh sau của xe đạp.

Bản cáo trạng số: 12/CT-VKSVB ngày 05-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố Nguyễn Thị Q về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Về bồi thường thiệt hại: Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Q đã bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền là 70.000.000 đồng. Đại diện gia đình của người bị hại có đơn đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Q và xử lý Q ở mức độ nhẹ nhất có thể.

Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp 01 chiếc xe mô tô BKS 18F8-1532; 01 đăng ký mô tô, xe máy số 0025057 mang tên chủ xe là Nguyễn Công Phê; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô – xe máy số 170418865; 01 chiếc xe đạp. Hiện chỉ còn lại 01 giấy phép lái xe, hạng A1, số 361069001714, mang tên Nguyễn Thị Q.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình cũng như việc bồi thường thiệt hại đúng như đã nêu ở trên và xin được giảm nhẹ một phần hình phạt.

Tại phiên tòa người làm chứng và người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt, nhưng trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử đã có lời khai trình bày về nội dung, diễn biến của vụ tai nạn giao thông giữa xe mô tô của bị cáo Q điều khiển với xe đạp của ông L điều khiển cũng như việc bồi thường thiệt hại đúng như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Q về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về điều luật: Căn cứ khoản 1 Điều 202; điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Q phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển ph□ơng tiện giao thông đ□ờng bộ".

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Q từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Trả lại cho bị cáo Q 01 Giấy phép lái xe, hạng A1, số 361069001714, mang tên Nguyễn Thị Q.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V; của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện V; của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét thấy các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án chứng minh cho hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo Q như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Biên bản khám nghiệm tử thi; Biên bản khám nghiệm phương tiện; Bản kết luận giám định pháp y tử thi + Công văn trả lời của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định; Bản kết luận giám định của Viện khoa học hình sự cũng như lời

khai của bị cáo và người làm chứng tại cơ quan điều tra thấy không có gì mâu thuẫn với nhau và phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa. Nên đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 23-11-2017, bị cáo Q có giấy phép lái xe theo quy định đã điều khiển xe mô tô BKS 18F8-1532 đi từ thôn Z, xã L1, huyện V, tỉnh Nam Định theo đường Quốc lộ 10 hướng Nam Định đi Ninh Bình để về nhà ở thôn V1, thị trấn G1, huyện V, tỉnh Nam Định. Khi Q đi đến Km 119+950 thuộc địa phận xóm T1, xã S, huyện V, tỉnh Nam Định thì Q điều khiển xe mô tô đi ở trong làn đường dành cho xe thô sơ và người đi bộ, sát với gần lề đường chiều đường hướng Nam Định đi Ninh Bình và đoạn đường này nằm trong hiệu lực của biển báo hiệu giao thông gồm biển báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên và biển báo người đi bộ cắt ngang nhưng Q lại không chú ý quan sát biển báo hiệu giao thông cũng như quan sát người và các phương tiện tham gia giao thông ở phía trước, Q vẫn điều khiển xe mô tô đi trong làn đường của xe thô sơ và người đi bộ và không giảm tốc độ để đảm bảo an toàn giao thông nên khi gặp phải xe đạp của ông Đoàn Tiến L điều khiển đang dừng đứng ở phía trước, sát với lề đường, cùng với làn đường xe mô tô của Q điều khiển đang di chuyển thì Q đã không làm chủ được tay lái và tốc độ, Q đã để cho mặt ngoài lốp bánh trước của xe mô tô BKS 18F8-1532 do Q điều khiển đâm vào mặt ngoài chắn bùn phía sau bánh sau xe đạp của ông L điều khiển đang dừng đứng gây ra vụ tai nạn giao thông. Hậu quả làm cho ông L bị tử vong; bị cáo Q bị thương nhẹ; hai phương tiện bị hư hỏng.

Đối chiếu hành vi nêu trên của bị cáo Q với những quy định của pháp luật hiện hành thì thấy hành vi đó của bị cáo đã vi phạm vào những quy tắc giao thông đường bộ được quy định tại khoản 1 Điều 9; Điều 13 của Luật giao thông đường bộ và khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31-12-2015 của Bộ Giao thông vận tải. Do đó, hành vi của bị cáo Q đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Bị cáo Q là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nhưng khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ, bị cáo lại không chấp hành đúng những quy tắc giao thông đường bộ nên đã vô ý gây ra vụ tai nạn giao thông. Hậu quả làm cho ông Đoàn Tiến L bị tử vong. Như vậy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của người và các phương tiện tham gia giao thông, gây lên t□t□ởng hoang mang, lo lắng cho những ng□ời tham gia giao thông và ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[4] Về nhân thân: Trước lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự gì.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ theo yêu cầu cho gia đình người bị hại để khắc phục hậu quả và trong giai

đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra thì người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[7] Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, nhưng xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, lần phạm tội này là lần đầu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú thì cũng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội được. Do đó áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 cho bị cáo được hưởng án treo.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Trong giai đoạn điều tra bị cáo đã bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền là 70.000.000 đồng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của ng□ời bị hại có đơn không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản gì nữa nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Trả lại cho bị cáo Q 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 361069001714 mang tên Nguyễn Thị Q.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Q phải nộp 200.000 đồng .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 202; điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Q phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển ph□ơng tiện giao thông đ□ờng bộ".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Q cho Ủy ban nhân dân thị trấn G1, huyện V, tỉnh Nam Định để quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Q 01 Giấy phép lái xe hạng A1, số 361069001714, mang tên Nguyễn Thị Q.

(Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09-3-2018).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Q phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Q có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND thị trấn G1;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Văn Quân